

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu**  
(Phục vụ công tác thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về Phiên họp thứ 2 Ban chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại Thông báo số 386/TB-VPCP ngày 16/8/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu theo những nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định về việc “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước*”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025...

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 đã xác định Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược,

quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã yêu cầu có phương án giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA, dự án BOT, BT hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn...

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV quyết nghị về việc rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 101/2023/QH15; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các luật, pháp lệnh có liên quan.

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã giao các Bộ rà soát các văn bản pháp luật, nhất là Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý nợ công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, các Luật thuế, Luật Dược, xác định các vướng mắc, điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ ở tầm luật... Đối với những văn bản chưa có trong chương trình, kế hoạch thì dùng Nghị quyết hoặc một văn bản sửa nhiều văn bản để xử lý ngay kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật...

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch đã giao Chính phủ tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, tổng hợp, phân loại và xây dựng kế hoạch, lộ trình để có phương án xử lý khó khăn, vướng mắc đã tồn tại nhiều năm, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA không hiệu quả, chậm tiến độ; dự án BT chuyển tiếp.

## **3. Cơ sở thực tiễn**

### **3.1. Liên quan đến Luật Quy hoạch**

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

#### **3.1.1. Về hệ thống quy hoạch quốc gia**

Theo quy định tại Điều 5 Luật Quy hoạch thì hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm (i) quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; (ii) quy hoạch vùng; (iii) quy hoạch tỉnh; (iv) quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và (v) quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Theo quy định này thì **quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia**. Trong khi đó, theo Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của Luật Quy hoạch thì nhiều quy hoạch thuộc Danh mục này có nội dung, tính chất quan trọng và phạm vi tác động trên toàn quốc hoặc liên quan tới 2 tỉnh trở lên<sup>1</sup>.

Như vậy, quy định nêu trên chưa bảo đảm tính toàn diện, thứ bậc, chưa xác định rõ mối quan hệ giữa quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh..., dẫn đến vướng mắc triển khai thực hiện, làm giảm hiệu quả của công tác quy hoạch. Đồng thời, các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13 Luật Quy hoạch về các chính sách, nguyên tắc cơ bản, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch, giám sát hoạt động quy hoạch, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch không được áp dụng thống nhất với các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Mặt khác, việc xác định quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia tại Điều 5 Luật Quy hoạch là chưa thực sự phù hợp, do quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia nhưng lại có tính chất như quy hoạch kỹ thuật, chuyên ngành (cụ thể hóa quy hoạch tỉnh và thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng).

Do đó, việc sửa đổi Điều 5 Luật Quy hoạch nêu trên là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch...

### ***3.1.2. Về nội dung quy hoạch, thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch***

#### ***- Về nội dung quy hoạch***

Theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Luật Quy hoạch, nội dung quy hoạch phải **xác lập danh mục dự án** và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy vậy, quy định này chưa bảo đảm tính **định hướng** của quy hoạch, đồng thời trùng lặp với Danh mục dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và

<sup>1</sup> Như quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia, quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nguồn nước liên quốc gia, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước, quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh hoặc của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề lập cho các hệ thống sông liên tỉnh; quy hoạch đề điều lập cho hệ thống đê liên quan từ hai tỉnh trở lên, quy hoạch tuyến, ga đường sắt; quy hoạch cảng hàng không, sân bay, quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn...

các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư... Trên thực tế cũng không thể xác định được hết các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch.

Do đó, đề nghị sửa đổi quy định này theo hướng xây dựng “Danh mục **dự kiến** các dự án quan trọng quốc gia” và “Danh mục dự án **dự kiến ưu tiên thực hiện**” để phản ánh đúng tính định hướng của các Danh mục dự án kèm theo...

- Về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật Quy hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân cấp cho các địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

Do đó, đề nghị sửa đổi quy định tại Điều 55 và Điều 56 Luật Quy hoạch để phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch thời kỳ 2021-2030...

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch:

Theo quy định tại Điều 54 Luật Quy hoạch, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm *nhiệm vụ lập quy hoạch, lập Hội đồng thẩm định quy hoạch...*

Trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh quy hoạch để đáp ứng yêu cầu cấp bách; để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và Chính phủ nhưng không làm thay đổi mục tiêu và định hướng phát triển tại quy hoạch; hoặc để bảo đảm quy hoạch cấp dưới phù hợp với quy hoạch cấp trên nhằm tạo cơ chế điều chỉnh quy hoạch kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn (*như điều chỉnh quy hoạch tỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thực hiện các dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua...*)...

Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 54 của Luật Quy hoạch để quy định các trường hợp được phép điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục (rút gọn) theo hướng không yêu cầu thực hiện toàn bộ các thủ tục như đối với trường hợp xây dựng mới quy hoạch mà chỉ lấy ý kiến các cơ quan có liên quan trước khi phê duyệt điều chỉnh.

### **3.1.3. Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch**

Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc “sử dụng từ vốn **đầu tư công**” để lập quy hoạch; không quy định về việc sử dụng kinh phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch; không có quy định về kinh phí cho

quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để lập quy hoạch, dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất về nguồn kinh phí đối với hoạt động quy hoạch.

Do vậy, đề nghị sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định cho phép sử dụng **nguồn kinh phí chi thường xuyên** và **các nguồn vốn hợp pháp khác** để lập, điều chỉnh quy hoạch, trong đó quy định cụ thể kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Việc sửa đổi sẽ khắc phục hạn chế nêu trên, tạo cơ chế linh hoạt trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

### 3.2. Liên quan đến Luật Đầu tư

#### 3.2.1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước<sup>2</sup>, thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả<sup>3</sup> trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng<sup>4</sup>; nâng cao hiệu quả sử dụng

<sup>2</sup> Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hàng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng: giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

<sup>3</sup> Tính lũy kế đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hàng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

<sup>4</sup> Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bởi những lý do sau:

*Một là*, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch... và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

*Hai là*, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

*Ba là*, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu

công nghiệp (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; và các yêu cầu, điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: “*Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I*”. Theo đó, mọi dự án đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải, “*Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cảng cửa ngõ quốc tế*”.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-70 bến. Trong đó, một số bến có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch

Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Văn Úc, khu bến Cái Mép<sup>5</sup>. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó, việc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bến này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (*như khu bến Sông Cấm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng; khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...*).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy, hiện nay việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (*bao gồm tiêu chí về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (mức vốn dự án nhóm A theo Luật Đầu tư công<sup>6</sup>).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước cho địa phương, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

### **3.2.2. Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị**

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định

<sup>5</sup> Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế rộng lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

<sup>6</sup> Điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công quy định Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ là dự án nhóm A.



đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị... Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết**. Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị trấn được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư...

Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

### ***3.2.3 Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư***

- Về việc chấm dứt hoạt động đối với dự án không thực hiện theo tiến độ

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

+ Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm

do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự phù hợp vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được mục tiêu/điều kiện cần khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...

Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương<sup>7</sup> phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

- Về việc ngừng, chấm dứt hoạt động đối với dự án có nguy cơ gây ra sự cố môi trường

Điểm b khoản 2 Điều 47 và khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư quy định về việc ngừng, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp có vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tuy vậy, Luật này không quy định về ngừng, chấm dứt hoạt động đối với dự án trong trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường là sự cố gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

<sup>7</sup> Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

Trên thực tế, đã có trường hợp nguy cơ xảy ra sự cố môi trường không phát sinh trên cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Do đó, việc bổ sung quy định ngừng thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường là cần thiết, tạo cơ chế xử lý đối với dự án này, bảo đảm hài hòa giữa việc thu hút đầu tư và lợi ích cộng đồng.

### **3.3. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có 31 dự án mới đang được triển khai thực hiện và 11 dự án đang chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương với tổng mức đầu tư khoảng 380.000 tỷ đồng, nhu cầu sử dụng khoảng 190.000 tỷ vốn nhà nước. Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 1000 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không quốc tế tiêu chuẩn cấp 4C, 03 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 03 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập sau:

#### **3.3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế, giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Tuy nhiên, đến nay, dự án PPP chỉ tập trung vào 03 lĩnh vực, gồm: giao thông vận tải (22 dự án đường bộ cao tốc, 03 dự án cảng hàng không, chiếm khoảng 80 % tổng số dự án PPP mới), xử lý rác thải (03 dự án, chiếm khoảng 10%) và cung cấp nước sạch (03 dự án, chiếm khoảng 10%). Trong lĩnh vực y tế, có 02 dự án bắt đầu được UBND Thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Yên Bái nghiên cứu đề xuất triển khai theo phương thức PPP.

Bên cạnh đó, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác, nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

Nhằm đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và đáp ứng nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP để bổ sung một số lĩnh vực như: văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, phát

triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước.

### **3.3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP**

Theo quy định tại Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ, nhưng địa phương có nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

Để phù hợp với điều kiện đặc thù của việc thực hiện dự án PPP trong từng lĩnh vực cụ thể, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng hạ mức quy mô tối thiểu đối với các dự án này.

### **3.3.3. Về loại hợp đồng BT**

Luật PPP đã dừng thực hiện dự án đầu tư mới theo loại hợp đồng BT từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (01/01/2021).

Việc dừng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của việc thực hiện loại hợp đồng này, như: *một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...*

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù

của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố).

- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).

- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

Trong bối cảnh việc huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng khó khăn và nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tăng mạnh, căn cứ quá trình thực hiện cơ chế này trong từng thời kỳ, cần xem xét tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

### **3.3.4. Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu**

Theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Trên cơ sở đó, Luật PPP (khoản 4 Điều 45) quy định không áp dụng loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (hợp đồng BOT) đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu.

Thực tiễn triển khai ở một số địa phương cho thấy, nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng... cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu lưu thông, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, ngân sách địa phương không đảm bảo được nhu cầu huy động đầu tư mở rộng các tuyến đường này.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Chính sách này cũng được quy định tại Luật Đường bộ năm 2024, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đường bộ cao tốc hiện hữu hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở

rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

### **3.3.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho ngành giao thông, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, trong đó cho phép tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được vượt quá 50% tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình (không quá 80%) và Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (không quá 70%).

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng áp dụng hạn mức khác nhau tùy thuộc tính chất của từng dự án.

### **3.3.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

Theo quy định tại khoản 6 Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn nhà nước trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Tuy nhiên, Luật PPP, Luật Đầu tư công chưa xác định rõ nguồn vốn nhà nước cụ thể được bố trí để mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn tới việc cân đối, bố trí vốn đầu tư công để thanh toán trong các trường hợp này chưa thể thực hiện. Do vậy, cần bổ sung

quy định nhằm xác định nguồn thanh toán cho nhà đầu tư trong các trường hợp này.

### ***3.3.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định bổ sung nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP.

### ***3.3.8. Về việc thực hiện đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công.

Do vậy, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công; đồng thời bổ sung quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

### ***3.3.9. Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ***

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ

quyết định chủ trương đầu tư.

Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

### ***3.3.10 Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư***

Theo quy định tại các Điều 11 và 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

### ***3.3.11. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M***

Các Điều 11 và 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

### ***3.3.12. Về thanh toán, quyết toán phân lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản



lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; **không bao gồm** các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).

Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian xây dựng. Đối với các chi phí sau thời gian xây dựng, mặc dù được thể hiện trong phương án tài chính, đã được cấp có thẩm quyền cho phép và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thoả thuận với nhà đầu tư trong Hợp đồng dự án, nhưng không thuộc nội dung tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng nên không có cơ sở để thanh toán và quyết toán, thanh lý hợp đồng do chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trong đó quy định: *chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án (điểm d khoản 5 Điều 4).*

Do vậy, để xử lý vướng mắc nêu trên, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 theo hướng: đối với hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý trong phương án tài chính thì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

### **3.3.13. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thoả thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành.

### ***3.3.14. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng***

Theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP thì Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế đã phát sinh trường hợp một số hợp đồng dự án được ký kết chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nhưng Luật PPP cũng như các Nghị định quy định chi tiết Luật này đều không có quy định hoặc quy định thiếu rõ ràng để xử lý các trường hợp này, dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Những vướng mắc phổ biến là: (i) chưa làm rõ tiêu chí xác định “Hợp đồng đã ký kết đúng quy định của pháp luật” và cơ quan có trách nhiệm xác định; (ii) trường hợp hợp đồng được ký kết chưa đúng thì trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư hay của cơ quan quản lý có thẩm quyền<sup>8</sup>; (iii) nguyên tắc xử lý trong trường hợp hợp đồng được ký kết không đúng quy định.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 101 Luật PPP để xử lý các vướng mắc này.

### **3.4. Liên quan đến Luật Đấu thầu**

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 7 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, cụ thể là:

#### ***3.4.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)***

- Đối với gói thầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

Điều 42 Luật Đấu thầu năm 2023 đã quy định chủ đầu tư được thực hiện một số hoạt động trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhưng chỉ giới hạn việc thực hiện các hoạt động này trong việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, xác định danh sách ngắn, không bao gồm việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng.

Hiện nay, một số nhà tài trợ, đặc biệt là các nhà tài trợ song phương châu

Âu (Đan Mạch, Hungary, Áo, Bỉ, Phần Lan, Tây Ban Nha... ) có yêu cầu phải ký kết trước hợp đồng thương mại như một điều kiện ràng buộc để đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Nếu vướng mắc này không được giải quyết thì việc huy động nguồn vốn từ đa số các nước châu Âu sẽ không thể thực hiện được (ước tính giá trị vốn theo cam kết tại các Hiệp định khung và các đề xuất dự án khoảng 550 triệu USD trong 3-5 năm tới).

*- Đối với các gói thầu thuộc dự án khác, không phải là dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:*

Hiện nay, Luật Đấu thầu năm 2023 chưa có quy định về việc thực hiện trước một số hoạt động đấu thầu. Theo quy định hiện hành, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, phi tư vấn, xây lắp để phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng... **chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt dự án.** Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình chuẩn bị đầu tư vẫn có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu nêu trên trước khi dự án được phê duyệt để đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Do vậy, cần đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu, đặc biệt là các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

#### **3.4.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**

Luật Đấu thầu (Điều 29) đã quy định một số gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại Luật. Quy định này được luật hóa trên cơ sở Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật đã phát sinh yêu cầu phải xem xét bổ sung một số trường hợp khác như sau:

*- Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra:*

Gói thầu này Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực yêu cầu Chính phủ xem xét, nghiên cứu bổ sung được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt có yếu tố đặc thù, cần bảo đảm thời gian định giá trong quá trình tố tụng hình sự theo yêu cầu của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, nếu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định của Luật Đấu thầu sẽ không có nhà thầu tham dự do tính chất của các vụ án điều tra thường nhạy cảm, phức tạp, nhà thầu có tâm lý e ngại, không muốn tham dự thầu. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu để gia hạn thời gian đóng thầu sẽ kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu, gây ảnh hưởng, đình trệ đến tiến độ điều tra, xử lý các vụ án hình sự. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã yêu cầu Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét bổ sung trường hợp áp

dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu này.

*- Gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo có yêu cầu cấp bách:*

Trên thực tế, gói thầu này đã được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023. Các bộ, ngành, địa phương đều kiến nghị bổ sung trường hợp này nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động, đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian trong đấu thầu cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

*- Gói thầu sản xuất phim:*

Nội dung gói thầu bao gồm việc lựa chọn diễn viên, kịch bản phim phải gắn với bản quyền của biên kịch... không thể áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Ngoài ra, một số trường hợp khác đã phát sinh yêu cầu bổ sung áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng tính riêng biệt, đặc thù mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác như:

*- Gói thầu phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại:*

Gói thầu này có tính đặc thù cao vì đề án chính trị, đề án lễ tân... thường được phê duyệt gần sát ngày diễn ra lễ đón khách quốc tế nên tiến độ thường phải thực hiện gấp; việc lựa chọn nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài, phải bảo đảm an ninh, bảo mật;

*- Gói thầu mua dịch vụ các công ty xếp hạng tín nhiệm quốc tế và gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT):*

+ Gói thầu mua dịch vụ của công ty xếp hạng tín dụng (mua quyền khai thác trực tuyến thông tin từ các công ty xếp hạng có uy tín trên thế giới) có tính đặc thù chuyên môn cao trong lĩnh vực phân tích tài chính quốc tế và đòi hỏi nền tảng kỹ thuật hiện đại, cho phép truy cập khối lượng dữ liệu lớn, bảo mật thông tin khách hàng, không phải bất kỳ công ty xếp hạng tín dụng nào cũng đáp ứng. Hiện nay, chỉ có 3 công ty Moody's, S&P và Fitch đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và việc sử dụng dịch vụ của các công ty này trong thời gian tới là cần thiết, bảo đảm cho công tác quản lý dự trữ ngoại hối được an toàn, hiệu quả. Trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và công ty xếp hạng nhỏ trúng thầu thì một số đối tác của Ngân hàng Nhà nước không được xếp hạng, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư, hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối.

+ Đối với gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu cũng không khả thi do: (i) Hiệp hội SWIFT không phải là nhà thầu và sẽ không tham gia đấu thầu; (ii) Dịch vụ qua

hệ thống SWIFT là dịch vụ độc quyền; (iii) Hình thức đặt hàng trực tiếp (e-order) qua trang điện tử của Hiệp hội SWIFT không giống với bất kỳ hình thức lựa chọn nhà thầu nào theo quy định của Luật Đấu thầu.

*- Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài:*

Luật Đấu thầu năm 2023 chỉ cho phép lựa chọn luật sư để bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan tài phán nước ngoài mà chưa cho phép lựa chọn luật sư bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt<sup>9</sup>. Trong khi đó, số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng<sup>10</sup>, cần phải thuê luật sư tư vấn có kinh nghiệm dày dặn, năng lực pháp lý và kiến thức chuyên sâu để bảo vệ quyền và lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, nếu các gói thầu nêu trên phải lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật Đấu thầu sẽ gặp khó khăn về mặt thời gian, trình tự, thủ tục; trong khi đó, các gói thầu này cần được lựa chọn nhà thầu kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nghiệp vụ công tác của cơ quan, đơn vị.

Để tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt, cần xem xét bổ sung các gói thầu nêu trên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định Điều 29 Luật Đấu thầu.

### **3.4.3. Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế**

Đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế là điều kiện tiên quyết của một số đối tác phát triển để tài trợ vốn cho Việt Nam và điều kiện này được đặt ra ngay trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu năm 2023 (điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 22) quy định đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện “nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay”.

Các hình thức này chỉ được thực hiện trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng; trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải

<sup>9</sup> Ví dụ như trong các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam do Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng, điều tra và ban hành mức thuế phòng vệ thương mại thì Bộ Thương mại Hoa Kỳ được xác định không phải là cơ quan tài phán nước ngoài hay quốc tế

<sup>10</sup> Giai đoạn 2001-2011 là 50 vụ, giai đoạn từ năm 2012 đến 06 tháng đầu năm 2024 có 202 vụ (tăng gần 4 lần). Riêng trong năm 2023 đã phát sinh 15 vụ việc mới do nước ngoài khởi xướng, bên cạnh nhiều vụ việc đang trong quá trình điều tra, hoặc thuộc diện rà soát hàng năm, rà soát cuối kỳ... Tính đến hết tháng 6 năm 2024, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 252 vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại từ 24 thị trường

báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (Điều 3 Luật Đấu thầu).

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và phải vay với điều kiện gặt với thị trường, chỉ còn một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc (là 02 nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam) và một số nước châu Âu còn duy trì vốn ODA nhưng phải có điều kiện ràng buộc về đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động, trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế là: 3,06 tỷ USD.

Ngoài ra, việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là quy định của hầu hết các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng trong quá trình đấu thầu. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế là 16,57 tỷ USD.

Do vậy, việc không cho phép đấu thầu hạn chế, đấu thầu quốc tế đối với các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi sẽ làm vô hiệu các nguyên tắc cơ bản về ODA ràng buộc và ODA không ràng buộc đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công. Nếu không xử lý được vấn đề này, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng vốn vay của Nhật Bản, các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc (trong giai đoạn 2026-2030 là 02 tỷ USD) phải thực hiện các thủ tục trình duyệt của các cấp có thẩm quyền, phát sinh nhiều thủ tục hành chính và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án.

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu để hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, góp phần tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

### **1. Mục đích**

1.1. Giải quyết các khó khăn, vướng mắc cấp thiết trong thực tiễn triển khai liên quan đến công tác quy hoạch, thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, đầu tư theo theo phương thức đối tác công tư và hoạt động đấu thầu.

1.2. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.

### **2. Quan điểm xây dựng dự án Luật**

2.1. Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật có mâu thuẫn, đang gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

2.2. Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động cụ thể; đồng thời, bảo đảm tính độc lập, ổn định, thống nhất, kế thừa được nội dung khi sửa đổi, bổ sung toàn diện các luật.

2.3. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước liên quan đến nội dung chính sách (nếu có) để bảo đảm sự tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN LUẬT**

Luật này chỉ sửa đổi, bổ sung một số quy định của 04 luật hiện hành, gồm: (1) Luật Quy hoạch; (2) Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; (3) Luật Đầu tư; (4) Luật Đấu thầu.

### **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch và kinh phí cho hoạt động quy hoạch để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của pháp luật về quy hoạch**

#### **1.1. Mục tiêu của chính sách**

- Hoàn thiện quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia bảo đảm tính thống nhất, liên thông, thứ bậc; qua đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quy hoạch; không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại pháp luật có liên quan.

- Quy định cụ thể chi phí cho hoạt động quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 61/2022/QH15.

#### **1.2. Nội dung của chính sách**

- Sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng sử dụng linh hoạt nguồn vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên và nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội và quy định của pháp luật khác có liên quan.

#### **1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

### **1.3.1. Hoàn thiện các quy định về hệ thống quy hoạch quốc gia và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch**

a) *Giải pháp thực hiện chính sách:* Sửa đổi khoản 5 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Luật Quy hoạch như sau:

- Chính lý kỹ thuật khoản 5 Điều 5: Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là một loại quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia. Đồng thời, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn là một loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 6: Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh.

b) *Lý do lựa chọn giải pháp:*

- Đây là chính lý kỹ thuật lập pháp giúp bảo đảm tính thống nhất của hệ thống quy hoạch, không làm thay đổi Điều 1 về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch và không thay đổi pháp luật điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, theo đó việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, rà soát và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan<sup>11</sup>.

- Phương án sửa đổi quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành phù hợp với khái niệm quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành tại khoản 9 Điều 3 Luật Quy hoạch (cụ thể hoá quy hoạch tỉnh) và việc áp dụng pháp luật đối với các quy hoạch này được quy định tại khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 7 Điều 25; khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Luật Quy hoạch. Đồng thời, quy định này thống nhất với quy định tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Trong trường hợp tiếp tục lập quy hoạch chung cho thành phố trực thuộc Trung ương, kiến nghị đây là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do là quy hoạch cụ thể hoá quy hoạch tỉnh và được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

### **1.3.2. Hoàn thiện quy định về kinh phí cho hoạt động quy hoạch**

a) *Giải pháp thực hiện chính sách*

- Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch có tính

<sup>11</sup> quy định tại khoản 3 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 7 Điều 25; khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 27 Luật Quy hoạch



chất kỹ thuật, chuyên ngành do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Chi phí rà soát và đánh giá quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

- Kế thừa quy định về việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quy hoạch tại điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/Q15 của Quốc hội và đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn công tác quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

- Huy động có hiệu quả các nguồn lực xã hội cho công tác quy hoạch, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Quy hoạch là khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch. Nội dung này cũng đã được Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

- Quy định của pháp luật về sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên liên quan đến quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành:

+ Điều 63 Luật Đất đai năm 2024 đã quy định kinh phí lập, điều chỉnh, thẩm định, quyết định, phê duyệt, công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn sự nghiệp kinh tế.

+ Kế thừa nhiều quy định hiện hành về kinh phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành như: Giao thông; Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Di sản văn hóa; Năng lượng nguyên tử...

+ Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn trình Quốc hội đang quy định: Nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm: Kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước; Kinh phí của tổ chức được lựa chọn làm chủ đầu tư; Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

+ Phù hợp với tính chất của quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là các quy hoạch chi tiết, cụ thể, được lập tùy theo yêu cầu thực tiễn và chủ yếu lập khi cần triển khai dự án đầu tư.

**2. Chính sách 2: Hoàn thiện quy định về nội dung; kế hoạch thực hiện và điều chỉnh quy hoạch bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương**

**2.1. Mục tiêu của chính sách**

- Bảo đảm các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh là các quy hoạch có tính tổng hợp, tích hợp và định hướng; nội dung của các quy

hoạch này sẽ được cụ thể hoá tại các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Đẩy mạnh việc phân cấp trong hoạt động thực hiện quy hoạch để tạo tính chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, kịp thời khi thực hiện quy hoạch.

- Kịp thời triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh từ thực tiễn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đầu tư, kinh doanh.

## **2.2. Nội dung của chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung quy định về “danh mục dự án” trong nội dung quy hoạch mang tính định hướng để bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thẩm quyền và trình tự, thủ tục lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch theo hướng tăng cường phân cấp và bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa quy định pháp luật về quy hoạch và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về căn cứ điều chỉnh quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch theo hướng giảm bớt thủ tục hành chính để bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện quy hoạch được kịp thời, sát thực tiễn, tuy nhiên vẫn phải bảo đảm tính tuân thủ, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

## **2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

### **2.3.1. Về danh mục dự án tại nội dung quy hoạch**

a) *Giải pháp thực hiện chính sách:* Sửa đổi thành Danh mục dự kiến các dự án quan trọng quốc gia trong các quy hoạch cấp quốc gia;; Danh mục dự kiến các dự án quan trọng của vùng; Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên thực hiện của tỉnh.

b) *Lý do lựa chọn giải pháp:* Kế thừa tên Danh mục dự án tại Quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia đã được Quốc hội thông qua và tên Danh mục dự án tại các quy hoạch vùng và các quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Bảo đảm nguyên tắc các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh là các quy hoạch có tính tổng hợp, tích hợp và định hướng; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Đồng thời, tránh trùng lặp, mâu thuẫn với Danh mục dự án tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn và trùng lặp, mâu thuẫn với các nội dung được quyết định tại bước lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ trương đầu tư và quyết định dự án đầu tư.

### **2.3.2. Về kế hoạch thực hiện quy hoạch:**

a) *Giải pháp thực hiện chính sách:* Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch.

b) *Lý do lựa chọn giải pháp:* Việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh giúp đề cao trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của cấp tỉnh trong tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.

### **2.3.3. Về điều chỉnh quy hoạch:**

a) *Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Chính lý kỹ thuật, làm rõ tại Điều 51 và 52 về việc điều chỉnh quy hoạch bao gồm điều chỉnh định kỳ 05 năm vào giữa thời kỳ quy hoạch và điều chỉnh đột xuất khi có đủ căn cứ điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 và 54a Luật Quy hoạch.

- Bổ sung tại Điều 53 về căn cứ điều chỉnh quy hoạch là yêu cầu triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ.

- Bổ sung quy định tại Điều 54a về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn kế thừa từ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 bao gồm: (i) Quy định cụ thể các trường hợp được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm: Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt trước nhưng có mâu thuẫn hoặc khác với quy hoạch cao hơn được quyết định hoặc phê duyệt sau; Quy hoạch mâu thuẫn hoặc khác với quy hoạch cùng cấp; Việc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ làm thay đổi tiến độ, thông số, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của dự án trong Danh mục dự án dự kiến thực hiện trong thời kỳ quy hoạch nhưng không làm thay đổi quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển; định hướng, phương án phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực; bảo đảm phù hợp với quy hoạch cao hơn, không mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp có liên quan; (ii) Quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

b) *Lý do lựa chọn giải pháp:*

- Chính lý kỹ thuật lập pháp để bảo đảm thống nhất cách hiểu quy định tại khoản 1 Điều 49; khoản 2 Điều 50 và khoản 1 Điều 52 Luật Quy hoạch, làm rõ quy hoạch có thể điều chỉnh định kỳ 5 năm vào giữa thời kỳ quy hoạch (sau khi rà soát quy hoạch) hoặc điều chỉnh đột xuất (sau khi đánh giá thực hiện quy hoạch đột xuất) khi xuất hiện căn cứ điều chỉnh tại Điều 53 và Điều 54a Luật Quy hoạch; không làm phát sinh chính sách mới.

- Các trường hợp được điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn được kế thừa từ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 và bổ sung thêm trường hợp điều chỉnh quy hoạch ngay để thực hiện các chỉ đạo của Đảng; Quốc hội (ví dụ: thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; các dự án quan trọng quốc

gia); Chính phủ (ví dụ: bổ sung các mở khai thác cát phục vụ các dự án đường cao tốc). Việc điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn phải không làm thay đổi quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển; định hướng, phương án phát triển, phân bố và tổ chức không gian, nguồn lực; bảo đảm phù hợp với quy hoạch cao hơn, không mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp có liên quan.

- Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch rút gọn không phải là chính sách lần đầu được áp dụng mà kế thừa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.

**3. Chính sách 3: Tiếp tục tăng cường phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt**

### **3.1. Mục tiêu của chính sách**

Thực hiện phân cấp, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh lãng phí thời gian, nguồn lực, tinh giản quy trình, thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt; đồng thời, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án này; hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

### **3.2. Nội dung của chính sách**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt.

### **3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### *a) Giải pháp thực hiện chính sách*

- Bãi bỏ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 và bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư theo nguyên tắc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt.

### *b) Lý do lựa chọn giải pháp*

Việc lựa chọn giải pháp nêu trên nhằm phát huy tính tự chủ, sự chủ động, linh hoạt, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và quản lý các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở xuống thuộc cảng biển đặc biệt góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án này.

Đồng thời, việc phân cấp còn tạo tính chủ động cho các địa phương trong việc điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nêu trên để phù hợp với yêu cầu và các yếu tố phát sinh trên thực tế góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án này.

## **4. Chính sách 4: Xử lý một số vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với quy hoạch đô thị và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư**

### **4.1. Mục tiêu của chính sách**

- Quy định cụ thể việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị để có căn cứ pháp lý áp dụng thống nhất; rút ngắn thời gian thẩm định chủ trương đầu tư dự án.

- Bổ sung quy định riêng về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư chậm tiến độ và bổ sung quy định về ngừng thực hiện đối với các dự án mà việc thực hiện gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường cấp quốc gia.

### **4.2. Nội dung của chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Đầu tư theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

- Bổ sung quy định riêng về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư chậm tiến độ. Theo đó, đối với dự án mà Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện theo tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được điều chỉnh tiến độ theo các trường hợp quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư, cộng thêm thời gian 12 tháng; bổ sung quy định về ngừng thực hiện đối với các dự án mà việc thực hiện gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường cấp quốc gia theo quy định tại Điều 123 Luật bảo vệ môi trường.

### **4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

### **4.3.1. Về việc thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị**

#### **a) Giải pháp thực hiện chính sách**

Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư theo hướng: đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

#### **b) Lý do lựa chọn giải pháp**

Việc bổ sung quy định cụ thể hướng dẫn việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị để tạo cơ sở pháp lý áp dụng thống nhất nội dung thẩm định; rút ngắn thời gian thẩm định chủ trương đầu tư dự án.

### **4.3.2. Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư**

#### **a) Giải pháp thực hiện chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 như sau:

+ Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 47 như sau:

*“đ) Nhà đầu tư không thực hiện đúng nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm, **trừ trường hợp quy định tại điểm a1 Điều 48**”.*

+ Bổ sung vào Điều 47 khoản 3a sau đây:

*“3a. Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng, ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp việc thực hiện dự án đầu tư gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường cấp quốc gia.*

*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự án gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố môi trường tại khoản này. Thông báo gồm các nội dung về nhà đầu tư thực hiện dự án; mục tiêu, địa điểm, nội dung dự án, quá trình thực hiện dự án; đánh giá tác động hoặc nguy cơ ảnh hưởng của dự án đối với môi trường; kiến nghị về việc ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư.*

*Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ngừng toàn bộ hoặc ngừng một phần hoạt động của dự án đầu tư”.*

- Bổ sung khoản 2 Điều 48 điểm a1 như sau:

*“a1) Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng*

*ký đầu tư đã được điều chỉnh tiến độ theo các trường hợp quy định tại Điều 41 của Luật này và điều chỉnh tiến độ thực hiện thêm 12 tháng khi không được điều chỉnh tiến độ theo Điều 41 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;”*

#### *b) Lý do lựa chọn giải pháp*

Giải pháp hoàn thiện quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư nêu trên nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...; tạo cơ chế xử lý đối với dự án có nguy cơ gây ra sự cố môi trường, bảo đảm hài hòa giữa việc thu hút đầu tư và lợi ích cộng đồng.

Quy định này phù hợp và nhằm thể chế hóa chủ trương, mục tiêu về bảo vệ môi trường tại Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và cam kết quốc tế về đầu liên quan đến bảo vệ môi trường theo các Hiệp định thương mại tự do FTA thế hệ mới (như CPTPP...)<sup>12</sup>

**5. Chính sách 5: Mở rộng, đa dạng hóa lĩnh vực, hình thức, phương thức thực hiện dự án PPP; hoàn thiện cơ chế tài chính đối với dự án PPP nhằm tối đa hóa nguồn lực từ khu vực tư nhân, bảo đảm phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công**

#### **5.1. Mục tiêu chính sách**

- Đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương;
- Quy định mức quy mô đầu tư tối thiểu phù hợp với điều kiện đặc thù của dự án trong từng lĩnh vực cụ thể;
- Hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng loại hợp đồng BT;
- Xem xét việc áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng điều kiện bảo đảm quyền lựa chọn của người dân;
- Điều chỉnh tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, tăng tính khả thi của các dự án lớn, trọng điểm;
- Xác định rõ nguồn vốn thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư.

#### **5.2. Nội dung chính sách**

<sup>12</sup> Theo đó, Việt Nam đã cam kết không giảm nhẹ các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn môi trường nhằm thu hút và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

- Sửa đổi quy định về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP theo hướng bổ sung các lĩnh vực có tiềm năng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương (như văn hóa, thể thao, di tích lịch sử...).

- Sửa đổi quy định về quy mô đầu tư tối thiểu đối với dự án thực hiện theo phương thức PPP theo hướng quy định mức phù hợp với điều kiện đặc thù của dự án trong từng lĩnh vực cụ thể, tạo môi trường thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực ngoài ngân sách.

- Tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

- Cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt, đáp ứng điều kiện bảo đảm quyền lựa chọn của người dân.

### **5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **5.3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP**

##### *a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP về lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP để bổ sung một số lĩnh vực như: văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước.

##### *b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP được đề nghị bổ sung vào Luật PPP đều đã được Quốc hội cho phép áp dụng hoặc áp dụng thí điểm tại các Luật, Nghị quyết đặc thù.

#### **5.3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP**

##### *a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng hạ mức quy mô tối thiểu đối với các dự án này xuống 50 tỷ đồng đối với:

- Dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, văn hoá, thể thao, hạ tầng chợ, hạ tầng công nghệ thông tin;

- Dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư.

##### *b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Việc giảm quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu để áp dụng phương thức PPP đối với một số lĩnh vực hạ tầng xã hội và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là nhằm tạo điều kiện cho các dự án trong lĩnh vực và địa bàn này thu hút được tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân.



### 5.3.3. Về loại hợp đồng BT

a) Giải pháp thực hiện chính sách:

Áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng:

(1) Đối với hợp đồng thanh toán cho nhà đầu tư bằng quyền thực hiện dự án tại vùng phụ cận với các điểm kết nối giao thông và các tuyến giao thông có tiềm năng phát triển theo mô hình TOD, cơ quan có thẩm quyền căn cứ quy hoạch để xác định công trình giao thông có tiềm năng phát triển đô thị và các quỹ đất phụ cận công trình này, xác định giá trị của quỹ đất phụ cận tại thời điểm giao đất, cho thuê đất (thời điểm trước khi hình thành công trình giao thông) và cơ chế chia sẻ, phân phối lại phần giá trị tăng thêm từ đất tại thời điểm nhà đầu tư khai thác, kinh doanh các dự án tại vùng phụ cận (thời điểm sau khi đã có công trình giao thông), làm cơ sở lập dự án theo mô hình này. Sau khi chuyển giao công trình cho Nhà nước, căn cứ yêu cầu của từng loại công trình và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan có thẩm quyền được áp dụng kết hợp loại hợp đồng BT với các loại hợp đồng khác để giao nhà đầu tư vận hành, bảo trì, bảo dưỡng công trình BT.

(2) Đối với hợp đồng thanh toán cho nhà đầu tư bằng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, tài sản công, cơ quan có thẩm quyền xác định cụ thể công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán (về diện tích, về giá trị) tại các thời điểm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức đấu thầu và ký kết hợp đồng, bảo đảm công trình BT và quỹ đất dự kiến thanh toán có giá trị tương đương; trên cơ sở đó, khi thanh quyết toán, được áp dụng cơ chế bù trừ phần chênh lệch khi giá trị quỹ đất thực tế vượt giá trị cam kết tại hợp đồng.

Trong cả 02 mô hình nêu trên, nhà đầu tư chỉ được giao đất khi đã hoàn thành 50% khối lượng công trình BT và chỉ được kinh doanh, khai thác khi hoàn thành công trình BT.

(3) Đối với hợp đồng BT thanh toán cho nhà đầu tư bằng tiền, cơ quan có thẩm quyền căn cứ thiết kế kỹ thuật để xác định tổng mức đầu tư của công trình BT (trong đó gồm chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư), làm cơ sở để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Sau khi công trình hoặc hạng mục công trình được nghiệm thu theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thanh toán cho nhà đầu tư. Nguồn thanh toán được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công (tiền độ thanh toán cần phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm) hoặc từ nguồn đấu giá quỹ đất, tài sản công (tiền thu được từ đấu giá được chi trả trực tiếp cho nhà đầu tư dự án BT).

Ngoài ra, cần xem xét bổ sung loại hợp đồng BT áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư đề xuất đầu tư xây dựng công trình và chuyển giao cho Nhà nước quản lý, sử dụng mà không yêu cầu thanh toán chi phí đầu tư xây dựng. Theo đó, nhà đầu tư đề xuất dự án kèm báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ năng lực của nhà đầu tư và dự thảo Hợp đồng; cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định và phê

duyet báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng; hợp đồng được ký kết sau khi dự án được phê duyệt; nhà đầu tư tổ chức thi công và chuyển giao công trình cho nhà nước sau khi hoàn thành; cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giám sát để bảo đảm chất lượng công trình và tiếp nhận, quản lý, sử dụng công trình.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Mô hình BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước và bằng tài sản công đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại một số địa phương theo Luật, Nghị quyết đặc thù. Giải pháp này kế thừa các quy định này, đồng thời bổ sung, hoàn thiện nhằm bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

**5.3.4. Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Giải pháp này cũng đã được Quốc hội cho phép áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết thí điểm; đồng thời đã được sửa đổi tại Luật Giao thông để áp dụng cho dự án đường bộ cao tốc.

**5.3.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng áp dụng hạn mức khác nhau tùy thuộc tính chất của từng dự án cụ thể:

- Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP không phân chia dự án thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án trong trường hợp chi phí chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công hình tạm chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không bảo đảm khả năng hoàn vốn.

- Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP gồm các dự án PPP thành phần, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 70% tổng mức đầu tư của từng dự án thành phần trong trường hợp chi phí chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần và phương án tài chính sơ bộ của dự án thành phần đó không bảo đảm khả năng hoàn vốn;

- Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP gồm nhiều dự án thành phần, trong đó chi phí chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư được tách thành dự án thành phần sử dụng vốn đầu tư công, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP;

- Đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP thuộc dự án đầu tư công có nhiều dự án thành phần, trong đó dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP không bao gồm chi phí chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, tỷ lệ vốn nhà nước không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án thành phần đầu tư theo phương thức PPP.

Ngoài ra, cần sửa đổi khoản 4 Điều 70 theo hướng không quy định việc xác định giá trị tài sản công làm phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Việc quy định tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án PPP trong từng trường hợp bảo đảm tính rõ ràng, mạch lạc, đáp ứng toàn diện các trường hợp phát sinh trong thực hiện; đồng thời đồng bộ với chính sách Quốc hội đã cho phép tại một số địa phương.

**5.3.6. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 69 Luật PPP nhằm bổ sung mục đích chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn từ vốn nhà nước trong dự án PPP;

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 52 Luật PPP nhằm xác định nguồn thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không phải do lỗi của nhà đầu tư, cụ thể:

+ Sử dụng từ nguồn kinh phí mua lại doanh nghiệp theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp<sup>13</sup>;

+ Sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Nguồn kinh phí mua lại doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhà nước đã được quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, nên việc quy định cụ thể nguồn kinh phí này tại Luật

<sup>13</sup> Mục 4 Luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp

PPP là phù hợp. Việc mua lại một tài sản đã hình thành thông qua dự án PPP cũng có tính chất là khoản đầu tư, nên việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công là phù hợp.

### **5.3.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu**

#### **a) Giải pháp thực hiện chính sách:**

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định việc thanh toán trong trường hợp áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu từ một hoặc các nguồn vốn sau đây:

- Nguồn từ dự phòng ngân sách nhà nước trung ương và địa phương (tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP);

- Nguồn từ dự phòng kế hoạch đầu tư công;

- Nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

Đây là nội dung mới và khó, tác động đến Luật quản lý nợ công, Luật ngân sách nhà nước. Do vậy, Luật giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết nội dung này.

#### **b) Lý do lựa chọn giải pháp:**

Nhằm đa dạng hóa cách thức, nguồn vốn cho việc chia sẻ rủi ro giảm doanh thu, ngoài nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, việc bổ sung nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công và nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước là cần thiết, khả thi.

## **6. Chính sách 6: Đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước đối với dự án PPP, tạo thuận lợi cho công tác chuẩn bị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án**

### **6.1. Mục tiêu chính sách**

- Đẩy mạnh phân cấp trong quá trình thực hiện dự án PPP nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương;

- Đơn giản hoá thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

### **6.2. Nội dung chính sách**

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện dự án PPP để đẩy mạnh phân cấp trong quá trình thẩm định đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định cho phép lồng ghép các bước trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án trên cơ sở đề xuất của cơ quan có thẩm quyền nhằm rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

- Sửa đổi quy định về việc Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho cơ quan có

thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

- Sửa đổi quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

### **6.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **6.3.1 Phân cấp trong thực hiện dự án PPP**

##### *a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng quy định Hội đồng thẩm định liên ngành chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và giao Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 12 Luật PPP để đồng bộ, thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và dự án đầu tư công (đang được sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công); đồng thời bổ sung quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương làm cơ quan có thẩm quyền.

##### *b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt cho các cơ quan có thẩm quyền là các Bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai dự án PPP.

#### **6.3.2. Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư**

##### *a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 19 Luật PPP theo hướng cho phép lập báo cáo nghiên cứu khả thi trong quá trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt dự án được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật PPP theo hướng cho phép cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng thời một số nội dung sau: Lựa chọn danh sách ngắn trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, tổ chức lập hồ sơ mời thầu trong quá trình chuẩn bị dự án nhưng phải bảo đảm việc phê duyệt hồ sơ mời thầu được thực hiện căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án.

##### *b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Việc cho phép các Bộ, ngành, địa phương được thực hiện đồng thời các bước sẽ giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư mà không ảnh hưởng tới chất lượng các báo cáo, hồ sơ đầu thầu.

### **6.3.3. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M:**

#### *a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

- Sửa đổi Điều 11 Luật PPP theo hướng đơn giản hóa quy trình thực hiện dự án O&M, không yêu cầu thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án này (do dự án không có cấu phần xây dựng), chỉ thực hiện thủ tục lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án; lựa chọn nhà đầu tư; thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP.

- Sửa đổi Điều 19 Luật PPP theo hướng quy định riêng về nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, trong đó quy định nội dung về đánh giá hiện trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu và máy móc, thiết bị của công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đồng thời bỏ nội dung đánh giá về sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, thời gian xây dựng công trình, phương án kỹ thuật, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng của công trình... vì các nội dung này chỉ phù hợp đối với các dự án có cấu phần xây dựng

#### *b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Loại hợp đồng O&M áp dụng đối với công trình sẵn có, nên có tính chất đặc thù, khác với các loại hợp đồng khác. Việc sửa đổi trình tự, thủ tục và các hồ sơ tương ứng nhằm rút ngắn thời gian, đơn giản hóa là phù hợp với yêu cầu đặc thù của loại hợp đồng này

## **7. Chính sách 7: Xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đối với các dự án BOT, BT chuyên tiếp**

### **7.1. Mục tiêu chính sách**

- Xử lý vướng mắc về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền;

- Xử lý việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng;

- Xử lý vướng mắc do thiếu quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng.

### **7.2. Nội dung chính sách**

- Bổ sung quy định về việc thanh toán, quyết toán các chi phí sau thời gian xây dựng đối với dự án BT chuyển tiếp.

- Bổ sung quy định nhằm cho phép dự án BOT, BT chuyển tiếp được sử dụng nguồn vốn nhà nước nhằm xác định nguồn thanh toán cho nhà đầu tư hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; trình tự, thủ tục thực hiện thanh toán tương ứng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng

### **7.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

**7.3.1. Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền:**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 theo hướng: đối với hợp đồng BT thanh toán bằng tiền được ký kết theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trường hợp hợp đồng dự án đã xác định chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý trong phương án tài chính thì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Đây là vướng mắc của một số dự án BT thanh toán bằng tiền hiện nay. Quy định chuyển tiếp cụ thể tạo cơ sở pháp lý để các dự án này được tháo gỡ khó khăn và tiếp tục thực hiện việc thanh toán.

**7.3.2. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành:**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 101 theo hướng: Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án không có quy định thì thực hiện theo quy định của Luật này.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Dự án PPP được thực hiện trong thời gian dài, có sự thay đổi qua các văn bản quy phạm pháp luật tương ứng trong từng thời kỳ. Do vậy, việc cho phép các hợp đồng PPP ký trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành được sửa đổi, bổ sung các nội dung theo Luật PPP sẽ tạo cơ sở pháp lý để các dự án chuyển tiếp thực hiện tốt hơn.

**7.3.3. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng:**

*a) Giải pháp thực hiện chính sách:*

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 101 Luật PPP theo hướng quy định rõ:

- Trường hợp hợp đồng dự án BT có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhưng có thể sửa đổi nội dung chưa phù hợp thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thỏa thuận với nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung hợp đồng để tiếp tục thực hiện dự án và thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

- Trường hợp không thể sửa đổi nội dung chưa phù hợp của hợp đồng BT đã ký kết hoặc không thể thỏa thuận với nhà đầu tư để sửa đổi, bổ sung hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với nhà đầu tư. Trong trường hợp này, nếu nội dung chưa phù hợp của hợp đồng do lỗi của nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải chịu toàn bộ rủi ro và không được bồi hoàn chi phí đã bỏ ra; nếu do lỗi của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan này bố trí ngân sách để thanh toán bồi thường cho nhà đầu tư; nếu do lỗi của cả hai bên thì các bên được thỏa thuận, xác định chi phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp:*

Nguyên tắc xử lý nêu trên đã được thực hiện theo Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao.

**8. Chính sách 8: Xử lý một số vướng mắc phát sinh từ thực tiễn liên quan đến quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu và tăng cường phân cấp trong việc quyết định các nội dung về đấu thầu**

**8.1. Mục tiêu chính sách**

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật Đấu thầu;

- Tiếp tục đơn giản hóa hơn nữa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu

- Tăng cường phân cấp quyết định các nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

**8.2. Nội dung chính sách**

- Sửa đổi quy định về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi



dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.
- Sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế.
- Bổ sung quy định đối với thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn, bổ sung tư cách hợp lệ đối với nhà thầu, nhà đầu tư.

### **8.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn**

#### **8.3.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)**

##### *a) Giải pháp thực hiện*

Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 42 Luật Đấu thầu theo hướng:

- Cho phép chủ đầu tư được thực hiện trước toàn bộ các hoạt động lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả việc *phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu* trước khi quyết định đầu tư được phê duyệt;
- Cho phép chủ đầu tư ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
- Các gói thầu được thực hiện trước một số hoạt động trong 02 trường hợp nêu trên, gồm:
  - + Gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định được chính xác phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật;
  - + Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch, tái định cư;
  - + Gói thầu tư vấn lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công;
  - + Gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được chủ đầu tư và nhà tài trợ nước ngoài thống nhất cho phép thực hiện đấu thầu trước.

Ngoài ra, chủ đầu tư có thể hình thành gói thầu bao gồm một hoặc một số công việc như khảo sát xây dựng, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập quy hoạch chi tiết xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công để tổ chức lựa chọn nhà thầu mà không phải chia thành nhiều gói thầu riêng biệt.

##### *b) Lý do lựa chọn giải pháp*

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên sẽ góp phần tiết kiệm thời gian, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và không trái với các luật có liên quan, đồng thời không dẫn đến rủi ro trong quá trình thực hiện, bởi vì:

- Việc thực hiện đấu thầu trước không dẫn đến rủi ro cho các bên do đã được dự liệu trước tại khoản 5 Điều 42 dự thảo Luật. Theo đó, khi tham dự thầu, nhà thầu đã được xác định trước mọi rủi ro nếu nhà thầu được xét duyệt trúng thầu hoặc được ký hợp đồng nhưng không được tiếp tục thực hiện do dự án không được phê duyệt hoặc điều ước quốc tế, thỏa thuận vay không được ký kết. Đồng thời, nhà thầu cũng không được bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Những nội dung này đều được quy định trong hồ sơ mời thầu để các nhà thầu quyết định việc tham dự thầu của mình.

- Việc cho phép áp dụng đấu thầu trước đối với các gói thầu đã xác định được phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật cũng không gây ra các rủi ro cho chủ đầu tư và nhà thầu do khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật đã được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu, bảo đảm chỉ sau khi dự án được duyệt hoặc sau khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay thì các bên mới được triển khai thực hiện gói thầu;

- Việc thực hiện đấu thầu trước bảo đảm tính khả thi và không dẫn đến xung đột, chông chéo với quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo pháp luật đầu tư công, xây dựng bởi vì việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án sẽ căn cứ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công) và kế hoạch sản xuất kinh doanh (đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước), do đó sẽ ít xảy ra trường hợp đã triển khai đấu thầu trước nhưng dự án lại không được phê duyệt;

- Việc thực hiện đấu thầu trước tuy không mất nhiều thời gian trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (chỉ thực hiện trước công tác lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu phục vụ giải phóng mặt bằng, tái định cư, tư vấn thiết kế, giám sát...), đặc biệt là việc cho phép gộp chung một số công việc liên quan đến hoạt động tư vấn để tổ chức lựa chọn nhà thầu sẽ giúp cho thời gian thực tế lựa chọn nhà thầu rút ngắn đáng kể sau khi dự án được phê duyệt (ước tính giảm khoảng 03 đến 04 tháng);

- Chi phí cơ hội cho việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án mang lại sẽ lớn hơn nhiều so với chi phí phải đền bù cho nhà thầu trúng thầu nếu dự án không được phê duyệt.

- Thực tế, Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đã có quy định cho phép áp dụng đấu thầu trước đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA.

### ***8.3.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt***

*a) Giải pháp thực hiện*

Sửa đổi Điều 29 Luật Đấu thầu như sau:

- Bổ sung các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt tại khoản 1 Điều 29 Luật Đấu thầu, gồm:

+ Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra;

+ Trường hợp cần lựa chọn nhà thầu để cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ cho đại biểu; cho thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan như trang trí, khánh tiết, nước uống...) mà do yêu cầu thực tế phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu và đáp ứng yêu cầu tiến độ cần thực hiện gấp;

+ Gói thầu sản xuất phim;

+ Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại và mua quà tặng phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nghi lễ đối ngoại;

+ Gói thầu mua dịch vụ của các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế; gói thầu mua dịch vụ thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu SWIFT;

+ Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài.

- Sửa đổi điểm i khoản 1 Điều 29 theo hướng quy định: trường hợp dự án, gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc quy định tại Luật Đấu thầu thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu.

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 29 để phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ. Đối với các gói thầu khác (trừ gói thầu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29), người có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu.

*b) Lý do lựa chọn giải pháp*

Việc bổ sung các gói thầu được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp

đặc biệt để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các gói thầu có yêu cầu đặc thù về lựa chọn nhà thầu mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Luật Đấu thầu. Đồng thời, sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định hình thức này theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền để tạo sự linh hoạt, chủ động, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt như trước đây đã áp dụng theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg.

### **8.3.3. Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế**

#### *a) Giải pháp thực hiện*

Sửa đổi quy định tại Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu theo hướng cho phép áp dụng các hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong trường hợp nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu áp dụng các hình thức này như là điều kiện ràng buộc trong đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay.

#### *b) Lý do lựa chọn giải pháp*

Để hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, đồng thời tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

### **8.3.4. Một số giải pháp khác có liên quan**

#### *a) Giải pháp thực hiện*

- Sửa đổi quy định tại Điều 45 theo hướng quy định: đối với gói thầu *tu vấn đơn giản hoặc gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu có thể quy định tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước* nhằm rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

- Bổ sung “các tổ chức khác” vào các đối tượng đủ tư cách tham dự thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu.

#### *b) Lý do lựa chọn giải pháp*

- Nhằm rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu, dự án, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

- Tăng tính cạnh tranh trong đấu thầu, bảo đảm quyền lợi của các đối tượng trong quá trình tham dự thầu.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

Để bảo đảm triển khai thi hành Luật sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

## VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Dự kiến trình Quốc hội khoá XV xem xét cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) theo quy trình một kỳ họp và soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN;  
Các Vụ: TH, QHĐP, TKBT;
- Lưu: VT, PC (NP).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**